

QUAN NIỆM THƠ, CHẤT THƠ VÀ HỒN THƠ CHẾ LAN VIÊN

◆ PGS. TS. HỒ THẾ HÀ

Chế Lan Viên là nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Hành trình thơ của ông kéo dài hơn nửa thế kỷ với những chặng đường và mốc lịch sử đặc biệt: trước và sau cách mạng tháng Tám, trong chiến tranh và trong hòa bình. Khối lượng tác phẩm thơ mà ông để lại vô cùng đồ sộ, phong phú, đa dạng nhưng thống nhất về quan niệm, tạo thành chất thơ riêng, phong cách riêng.

Một cá tính sáng tạo ưu tú như Chế Lan Viên, lẽ đương nhiên, ông phải tạo ra một hệ thống quan niệm nghệ thuật khả dĩ trở thành tuyên ngôn và định hướng nghệ thuật, làm nên nhân cách và tài năng cho mình trong suốt hành trình nghệ thuật lớn mà ông trọn đời dẫn thân không ngừng nghỉ.

Như một nghịch lý biện chứng, một nhà thơ tài danh như Chế Lan Viên bao giờ cũng chứa chất trong thi giới của mình những âm vang tỏa phát và những tảng băng ngầm không dễ nhận ra cái cốt lõi tinh túy ngay lập tức; thậm chí tưởng như trái ngược, mâu thuẫn nhau. Một người thích suy tư, biện luận, triết lý như Chế Lan Viên, quá trình nhận diện đầy đủ thế giới thơ rộng rinh của ông càng trở nên phức tạp, nhưng không phải không lý giải được qua sự sàng lọc của thời gian, của nhiều người, nhiều phương pháp tiếp cận để cuối cùng

chứng minh ông là nhà thơ lớn của dân tộc thời hiện đại.

Bí quyết nào khiến cho Chế Lan Viên - một nghệ sĩ đi “từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui”, “từ chân trời của một người đến chân trời tất cả” mà hành trình thơ của ông chưa bao giờ hạ cánh? Tìm hiểu và lý giải điều đó cũng là nhằm tìm ra một quan niệm thơ, một mô hình thơ, một phương thức tư duy thơ, một nội lực thi ca và động lực thi sĩ của một nhà thơ cụ thể. Từ đó, có thể nhìn ra nhiều hiện tượng văn học khác, và rộng hơn, cả nền văn học. Với một sức lan tỏa đặc biệt, thơ ông tiếp tục đồng hành và vẫy gọi thi ca dân tộc cất cánh bay về các ngả của cánh đồng văn học vĩnh cửu. Điều gì đã làm nên phẩm chất và sức mạnh ấy? Chính là cá nhân Chế Lan Viên có nhu cầu muốn trở thành thi sĩ đích thực, muốn trở thành một nhân cách nghệ sĩ toàn vẹn, tích cực. Từng chặng đường đi trong hành trình văn học của mình, Chế Lan Viên luôn có nhu cầu tư duy, động não mãnh liệt về nghề, về thơ để đẻ ra những quan niệm, những tuyên ngôn. Những quan niệm của ông phản ánh một “tư duy triết học biện chứng”, có phủ định, có kế thừa và phát triển, bổ sung cho phù hợp với tinh thần thời đại và quy luật thi ca. Đó chính là tiền đề làm nên Quan niệm thơ, Chất thơ và Hồn thơ Chế Lan Viên.

Trong quá trình sáng tạo thi ca, quan niệm nghệ thuật sẽ quy định chất thơ và phương thức biểu hiện, tạo thành mối quan hệ chỉnh thể giữa hình thức và nội dung, giữa ngôn từ và hình tượng của tác phẩm. Nội dung bao giờ cũng được tỏ lộ qua một hình thức - hình thức mang tính quan niệm để tạo ra chất thơ riêng, làm thành phong cách thi sĩ riêng.

Chế Lan Viên là nhà thơ luôn chú trọng mối quan hệ này và không ngừng sáng tạo mới, trên cơ sở có kế thừa, cách tân từ thành quả trước đó và bám sâu vào nguồn mạch của cuộc sống để tạo thành chất thơ của thời đại: “Anh nghe cái mặt của đời đang độ kết tinh/ Nó chưa thành hình, anh cho nó có hình”. Ông thấy được mối quan hệ biện chứng giữa hiện thực đời sống và cảm hứng sáng tạo để hình thành nội dung thơ, phương thức nghệ thuật thơ.

Sau *Điều tàn* viết trước 1945 với một quan niệm siêu hình và *Gửi các Anh* - tập thơ bản lẻ sau 1945 có tính dò tìm, thể nghiệm chất thơ mới, đến *Ánh sáng và phù sa* và những tập thơ viết trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, cả những tác phẩm viết sau 1975 và bộ ba *Di cảo thơ*, Chế Lan Viên luôn năng động nắm bắt quy luật thơ ca và thể hiện nó một cách nhất quán, sâu sắc: “Nội dung bể phải đâu muôn đời vẫn thế/ Thay hình thức của thuyền đi sẽ hiểu bể thêm mà”. Ông kết hợp được việc tổng hợp giữa chất sống thời đại với cảm xúc cá nhân, nâng nó lên thành những quy luật, những khái quát mới, xem đó như nhu cầu của “cái khác”. Chất triết lý, suy tưởng của ông trở thành chất thơ hấp dẫn. Mỗi hình tượng thơ trong từng thời kỳ chính là sự vận động của kết quả suy nghĩ và tình cảm

mà ông rút ra được từ sự đối chiếu với hiện thực khách quan thông qua ngôn ngữ cũng luôn biến ảo, linh hoạt. Điều này mỗi nhà thơ đều có sáng tạo riêng. Nếu ngôn ngữ thơ Tố Hữu là ngôn ngữ “trữ tình điệu nói” (Trần Đình Sử) với giọng chủ là tâm tình và ân nghĩa, thì ngôn ngữ thơ Chế Lan Viên cũng như thế, nhưng lại nghiêng về giọng điệu trữ tình triết lý, chính luận. Trong những năm cả nước có chiến tranh, loại ngôn ngữ này của Chế Lan Viên phù hợp với việc bình luận, phân tích, luận lý, xoáy sâu vào các hiện tượng, sự kiện. Chính kiểu ngôn ngữ này đến lượt mình, nó quy định cấu trúc, ngữ pháp, chất thơ, giọng điệu thơ... thể hiện sự vươn lên chiếm lĩnh cuộc sống bằng hình tượng thơ riêng của Chế Lan Viên. Ông luôn quan tâm đến việc “rút ra cái gì như tuyết băng” từ các hiện tượng, sự vật hơn là chính bản thân sự vật, hiện tượng. Vì vậy mà chất biểu hiện, tượng trưng do ông thổi vào chúng mang nội hàm nghĩa mới, có tính sáng tạo bất ngờ. Những biểu tượng, tượng trưng nhiều khi không còn ý nghĩa tự thân ban đầu của chúng mà được tồn tại qua ẩn dụ, hoán dụ, đối lập... có khả năng tạo sinh nghĩa mới, khác. Những đối tượng thâm mỹ của thơ từ nhỏ lẻ đến lớn lao nhất cũng đều được Chế Lan Viên khai thác theo hướng trên. Hình ảnh “bầu trời xanh”, các “loài hoa” tượng trưng cho cái đẹp, cái phóng khoáng, tự do, ông cũng gắn vào chúng những định tính, đặc điểm mới. Ông có “trời xanh nắng lộng”, “trời xanh theo ta”, “trời xanh quyến luyến” rồi “thơ ta áo nắng mặc màu trời xanh”, “sóng như hàng nghìn trưa xanh”... Với hoa, ông cũng tạo nên hệ thống ngôn từ mang hồn sứ điệp riêng. Ông có “cái mùi

“huong biệt phái”, “huong hoa nhài chịu lỗi”, “hoa như cây dậu thì”, “những hoa hồng chói tỏa mặt vinh quang”, rồi “cái hít hoa vàng/ thơm mùi tình ái”... Ông luôn tạo những liên hệ, liên tưởng tương đồng, nhưng lạ:

“Đứng ngã ba đường hoa gạo son
 Người tình nhân đỏ chói môi hôn
 Xe ta qua mãi mà không dứt
 Chiều tối màu son đỏ chói buồn”.

Chất thơ, theo quan niệm của Chế Lan Viên, trước hết, “phải bám sâu vào nguồn mạch cuộc sống lớn của Nhân dân, Đất nước”. Đây là một quan niệm không mới vì đó là quy luật muôn đời của văn chương nhưng cái mới ở chỗ phát hiện ở chiều sâu, ở ý nghĩa nhân sinh tích cực mang tính thời sự - thời đại sâu sắc. Đến *Hoa ngày thường, chim báo bão; Đôi thoai mới*, quan niệm trên đã định hình và có thêm những phát kiến mới. Bài *Nghĩ về thơ, Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...*, *Sổ tay thơ* càng chứng tỏ nhân cách công dân - nghệ sĩ của Chế Lan Viên:

“Cuộc sống đánh vào thơ trăm nghìn
 lớp sóng
 Chờ ngồi trong phòng ăn bọt bẻ anh ơi
 Tâm hồn anh là của đời một nửa
 Một nửa kia lại cũng của đời”
 (*Sổ tay thơ*)

Nhà thơ say sưa ca ngợi Tổ quốc, Nhân dân đã tái sinh cho hồn thơ lẫn khuất bấy lâu. Càng say sưa ca hát, Chế Lan Viên càng kiểm điểm quá khứ của mình. Bài *Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi, Nghĩ về thơ*, tập *Hoa ngày thường, chim báo bão...* là những bản khoản, tìm tòi, thay đổi quan niệm và tư duy thơ biện chứng của

Chế Lan Viên: “Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn”, “Đất nước mênh mông đời anh nhỏ hẹp/ Tàu gọi anh đi, sao chừa ra đi”. Và ông không ngừng mĩa mai cảnh giác cho những ai cố tình đề cao loại thơ xa rời cuộc sống:

“Máu người để ra thơ mà thơ lại
 hồng quên
 Phải đặt kẻ trồng hoa sau người
 trồng lúa
 Đặt tất cả “những bài thơ thiên tài về
 Điện Biên”
 sau “những Điện Biên””

Trong *Ánh sáng và phù sa, Hoa ngày thường, chim báo bão, Những bài thơ đánh giặc và Đôi thoai mới*, Chế Lan Viên đã chứng minh triệt để quan niệm nghệ thuật trên. Ông trở thành ca sĩ ngợi ca thời đại mới, tự nguyện làm cánh chim không mỏi lượn trăm vòng trên Tổ quốc thân yêu để “hái những sắc trời xa viễn vọng”:

“Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào
 Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ
 Con ngọc trai đêm hè đáy bể
 Uống thủy triều bỗng sáng hạt châu”.
 (*Chim lượn trăm vòng*)

Ở đâu, lúc nào ông cũng nhìn đời bằng đôi mắt biếc xanh, bỡ ngỡ và không ngừng soi vào hiện tại để thức nhận quá khứ và hi vọng vào tương lai. Ông ca ngợi cuộc sống bằng cái nhìn so sánh, đối chiếu để vui niềm vui hiện hữu. “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?” là câu hỏi reo vui đến ngỡ ngàng:

“Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp
 hơn tất cả
 Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn

Trái cây rơi vào áo người ngắm qua
 Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh ròn
 Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ
 Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé
 môi hôn”.

Đến những tập thơ sau này như *Ngày vì đại, Hoa trước lăng Người, Hái theo mùa*, tuy xuất bản sau năm 1975 nhưng âm hưởng và thời gian sáng tác đều nằm trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chính là sự mở rộng và nâng cao quan điểm về thơ trước đó: “Hãy biết ơn vì mối của đời cho thơ chất mặn”.

Chế Lan Viên đã thao thức cùng ngọn đèn, trang giấy cũng vì trách nhiệm ấy để làm sao thơ có ích cho đời. Nhưng xuất phát điểm của mục tiêu đó là ở đâu? Hai câu hỏi: “Ta là ai?”, “Ta vì ai?” là động thái ban đầu dứt khoát để chuyển từ siêu hình sang hiện thực. Đã sống trong ánh hào quang của cách mạng rồi, ông không thể không rút ra kinh nghiệm về đời, về thơ. Sự khác nhau giữa trước và sau 1945 được đánh dấu bằng hai từ “cách mạng”:

“Thơ xưa chỉ hay than mà ít hỏi
 Đảng dạy ta: thơ phải trả lời
 Phải cầm lấy ván bài nhân loại
 Không để dòng nước chảy trôi xuôi”

(*Nghĩ về thơ*)

Trước hết, đó là vì đời cần thơ và thơ là con đẻ của đời. Cuộc sống thơ và thơ cuộc sống là mối quan hệ biện chứng để làm nên phẩm tính thi ca và nhân cách thi sĩ. Mối quan hệ sinh tử này buộc nhà thơ phải đứng từ tầm cao của cuộc sống để bình luận và suy nghĩ: “Nếu nhà thơ không cao, không lý tưởng” vì “Đời cần thơ như cần

hồn chiến trận/ Cần tiếng sáo thổi lòng thời đại/ Cần giao liên dắt dẫn qua đường”
 (*Nghĩ về thơ*).

Sự chuyển biến dứt khoát và quyết liệt của Chế Lan Viên đã đưa hành trình con tàu thơ ông đi từ sân ga vô hình của cõi âm rợn ngợp nhanh chóng về đến đích của sân ga cách mạng chan hòa ánh sáng, niềm vui: “Ta sống những năm viên đạn nặng hơn người/ Nhiệm vụ thơ nặng hơn trang giấy, các tài thơ”.

Với Chế Lan Viên, vũ khí thơ phải là sức mạnh chống chọi với thời gian để làm sống lại những giá trị hằng cửu và chiến thắng sự hủy diệt ghê gớm khác là vũ khí súng đạn của kẻ thù, không chỉ riêng dân tộc mình mà còn cho Nhân loại:

“Bài thơ sáng viết ở Việt Nam, chiêu đọc
 ở Mạc Tư Khoa

Sáng hôm sau đốt cháy lên những cuộc
 biểu tình ở Pari, Nữu Ước

Nó viết ở kinh tuyến này và rung động
 trào sôi ở kinh tuyến khác

Trong dân tộc và ngoài dân tộc”

(*Sổ tay thơ*)

Muốn vậy, thơ “Hãy đi trước cuộc đời như ngọn lửa/ Đùng đi sau đuốc, ăn tàn”. Thơ phải đứng ngang tầm cuộc sống ở những nơi nóng bỏng nhất. Trong những năm chiến tranh lửa đạn, thơ trước hết là tiếng nói của lòng căm giận trào sôi, thơ quyền uy và mệnh lệnh: “Có những lúc câu thơ phải bắn cầu vồng/ Mà người nhắm vẫn là nhắm thẳng”. Thơ phải chân thành nhập cuộc, không mơ mộng hão huyền:

“Ta cần gì thơ làm ta mơ mộng hão

Và khi ta cần thơ hồi sinh cho ta

những máu

Thì thơ ơi, người tà cảnh mà làm chi
 Nguyễn Du có nói về cô Kiều e lệ nép
 dưới hoa buổi ấy
 Thì cũng để cho ta yêu người con gái đẹp
 thời nay
 Và con bướm ta tả ngày nay dù cánh
 phấn trăm màu
 Thì cũng để cho người sau yêu con bướm
 của thời họ sống
 Câu thơ ư, là cách chuyển lửa qua
 muôn đời".

(Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...)

Xuất phát từ yêu cầu và mục đích của cuộc sống hiện tại, thơ không thể không tiếp nhận năng lượng từ cuộc sống và phải trả lại cho nó "những viên ngọc thơ tuyệt vời chói lọi nghìn năm". Thơ Chế Lan Viên trong những năm chiến trận mang sức mạnh của triệu lòng dân, của những binh đoàn ra trận. Càng về sau, trong các tập *Đôi thoi mới*, *Ngày vĩ đại*, cả *Hái theo mùa*, *Hoa trên đá*, nhất là các tập *Ta gửi cho mình* và *Di cảo thơ* (3 tập), những suy tư của Chế Lan Viên về sứ mệnh thi ca càng gấp gáp, day dứt hơn. Chưa bao giờ Chế Lan Viên từ bỏ khát vọng lớn lao này. Thời bình có "vũ khí thơ" của thời bình, thời chiến có "vũ khí thơ" của thời chiến. Những năm đau thương mà anh dũng, Chế Lan Viên đã từng tâm nguyện: "Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy/ Bên những dũng sĩ đuổi xe tăng ngoài đồng và hạ trực thăng rơi". Đó là một tự nguyện cao cả. Thơ phải là những "cánh chim báo bão", đồng thời là "những bông hoa ngày thường" nhưng nhất thiết nó phải mang hồn sứ điệp chứa tin vui và sức mạnh của một tình yêu lớn đối với Tổ quốc, Nhân dân. "Tôi đâu dám

túi buồn quên nhiệm vụ/ Mỗi câu thơ đều phải vượt lên mình" khi nhà thơ đã được trang bị "chất thép" của cuộc sống lớn cách mạng và "chất tình" ruột thịt của Nhân dân và lãnh tụ:

"Khi ta muốn thơ ta thành hàm chông
 giết giặc

Thành một nhánh hoa mát mắt cho đời
 Khi mỗi bước đi lên của lòng ta đều thắm
 tình giai cấp

Ta biết trong đời ta, Bác đã đến rồi".

(Người thay đổi đời tôi,
 Người thay đổi thơ tôi)

Với quan niệm sáng rõ về chức năng của thơ như thế, Chế Lan Viên đã không ngừng tìm tòi, sáng tạo. Toàn bộ thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên chính là minh chứng hùng hồn nhất của một nghệ sĩ - chiến sĩ - công dân suốt đời "nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ..." và ông là người chiến thắng:

"Dù hình tháp hay hình thoi, mỗi hạt gạo
 phải làm nên máu thịt

Dù cành thấp hay cành cao, mỗi chùm
 hoa đều phải gọi ong về

Thơ cần có ích

Hãy bắt đầu từ nơi ấy mà đi".

Quan niệm về thơ của Chế Lan Viên luôn vận động và vươn tới tầm nghĩ suy mới. Ông chưa bao giờ ngừng tìm tòi và thể nghiệm vì ông cho rằng hiện thực cuộc sống là bài học lớn nhất của mọi hồn thơ. Quan niệm thơ bám vào nguồn mạch cuộc sống phải được gắn với một yêu cầu hết sức lớn lao, đó là "mở rộng hướng cảm xúc thơ ra nhiều hướng, nhiều chiều để bao quát mọi mặt từ lớn lao đến gần gũi của đời sống

cách mạng". Nhà thơ phải đi đến mọi miền của Tổ quốc để không ngừng phát hiện cái mới, nhà thơ không được "đóng phòng văn hì hục viết" những điều đã biết, đã xưa. "Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép" là một cách để động viên mình và mọi người hãy tiếp tục đưa những hiểu biết tác động vào những yêu cầu bức bách của hiện thực để phát hiện những vẻ đẹp và chân lý còn tiềm ẩn. Nếu không, thơ sẽ nghèo đi biết mấy trước biển lớn cuộc đời đang dào dạt "đánh vào thơ trăm nghìn lớp sóng". Ngay cả đề tài tình yêu, riêng tư, Chế Lan Viên cũng có cách nói lạ từ vốn ký ức tâm hồn mình qua ngàn tâm tư, cảm xúc điển hình của chung quanh. Ông cho rằng khách thể chính là tâm hồn của thi sĩ:

"Nhiều hòn đảo gọi mà anh không nghe
thấy sóng

Nhiều biên thùỳ chờ mà anh chẳng
thấy mây

Nhiều mặt trận đòi nhưng anh lạc giữa
trận địa của bàn và tù

Anh thám hiểm mặt gối và lòng người
muôn thuở

Không hay mùa đôi chín trên đầu cây".
(*Nghĩ về thơ*)

Vấn đề không phải chỉ chủ đề, đề tài mà là sự thâm nhập cuộc sống và sắc sảo trong cái nhìn nghệ thuật để "tìm ra cái gì như tuyết băng". Có thể viết về một chủ đề, đề tài nhưng không thể ở một nơi nào, mà nhất thiết phải đi nhiều nơi để mở rộng cảm giác, làm giàu suy nghĩ: "Ở đâu chưa đi thì lòng sẽ đến/ Lúc trở về lòng ngậm những cành thơ".

Có như thế, thơ sẽ vừa hiện thực vừa súc tích, vừa bao quát, vừa cụ thể, làm nên vẻ đẹp huyền ảo, trữ tình: "Là thi sĩ như con chim bói cá, mắt bao gồm đầm hồ bát ngát, phải thấy cả tam thiên mậu của đời, trước khi lao vào bắt một chiếc cá con/.../ Một phút lao ào ào hư hư mà phải lượn trăm vòng rất thực/ Hay là để lao vào bắt con cá thực, có khi phải lượn nghìn vòng, rất đổi ào hư" (*Nghĩ về nghề, nghĩ về thơ, nghĩ...*).

Lịch sử dân tộc Việt Nam sang một trang mới vinh quang kể từ điểm mốc 1975. Cuộc đời của mỗi một con người cũng đánh dấu sự đổi thay không nhỏ. Trọng trách của nhà thơ lúc này càng bức bách hơn. Chặng đường thơ Chế Lan Viên từ 1975 đến 1989 có ý nghĩa như một chặng đường chạy đua nước rút với chính mình, với dòng thời gian cuộn xiết đang lấn dần từng tế bào sinh học của ông. Nhờ chặng đường này mà gương mặt thơ duy lý, sắc sảo của Chế Lan Viên được hiện lên một cách trọn vẹn, chứng tỏ tài năng và bút lực của ông chưa bao giờ chịu hạ cánh trước những thăng trầm của đời tư, thế sự và thi ca.

Căn cứ ở "thơ viết về nghề" và "thực tiễn sáng sủa thơ" thời này của Chế Lan Viên qua tập *Hoa trên đá, Ta gửi cho mình*, đặc biệt là bộ ba *Di cáo thơ*, thêm một lần nữa vinh quang, Chế Lan Viên đã làm nên "niềm kinh dị" mới khiến người đọc ngạc nhiên, khâm phục không chỉ ở số lượng mà còn ở chất lượng và những quan niệm nghệ thuật bổ sung đặc sắc, thoát nhìn tưởng như trái ngược với trước đó. Chính những bài thơ giai đoạn này giúp ta nhìn rõ Chế Lan Viên giai đoạn cuối đời: vẫn là một con người duy lý sắc sảo, hoài nghi để tìm ra một định hướng tư duy triết mỹ cho thơ.

Địa vị và thành tựu to lớn của thơ ông trong thời kháng chiến vẫn tiếp nối và nâng cao, đổi mới, làm phong phú hơn trong giai đoạn sau 1975. Thơ bao giờ cũng phải hướng những tìm tòi của mình vào những vấn nạn xã hội và vì hạnh phúc của con người:

“Là nhà thơ, anh sống nơi này mà phải
nghĩ đến nơi kia

Nơi trên biên giới bây giờ đang chảy máu

Nơi những nhà đang thiếu gạo

Khác nơi đây anh đang yên ổn giữa
gia đình”.

(*Nơi kia*)

Ông mong thơ mình luôn là nguồn động viên, an ủi và có ích với mọi người:

“Anh chỉ mong câu thơ anh sống khỏi
một đêm, có ích quá một ngày”

Đúng cái đêm bà mẹ chết con cần một
câu thơ cho đỡ khổ

Đúng cái ngày người chiến sĩ trên chiến
hào ôm xác bạn ngã vào tay”

(*Thơ bình phương, đời lập phương*)

Chế Lan Viên luôn tự giác thẩm định chính mình để định hướng mới cho thơ. Đó chính là tinh thần tìm tòi nghệ thuật mà Chế Lan Viên trăn trở không nguôi ở giai đoạn cuối đời. Ở đây, ta phải xác định lại mối tương quan giữa chủ thể sáng tạo và khách thể thẩm mỹ một lần nữa mới mong lý giải thỏa đáng thành tựu thơ Chế Lan Viên. Nếu ở thời “điều tàn”, đó là một chủ thể cực đoan - thần bí - quái đản, tự dựng lên một khách thể hư cấu - siêu hình - kinh dị để khóc than, oán hận, đến thời 1945-1975, đó là một chủ thể reo ca - tích cực - giao hòa trước một khách thể tái sinh - màu nhiệm -

đông vui giữa lòng Tổ quốc, Nhân dân, thì đến thời hoà bình sau 1975, đó là một chủ thể sống qua - dự cảm - triết lý với một khách thể đa diện - đa chiều - vi diệu. Nhó ý thức mãnh liệt về sứ mệnh của nhà thơ trước khách thể mới này giúp Chế Lan Viên bình tĩnh nhận ra sự chuyển đổi cuộc sống ở tầm vĩ mô lẫn vi mô của nó, rồi gấp gấp đưa vào thơ như những ám ảnh về cuộc đời, về “dòng thời gian nước xiết”, về những ám ảnh tâm linh, siêu hình thời tuổi trẻ. Chính ở đây, ông có dịp tìm về những khuất lấp của “tinh-tế-cỏ-hoa” và của chính tâm hồn mình với cái nhìn triết học - văn hoá ý vị. Ông chuyển giọng trước một hiện thực cần chuyển giọng:

“Giọng cao bao nhiêu năm, giờ anh hát
giọng trầm

Tiếng hát lẫn với im lìm của đất

Vườn lặng im mà thơm mùi mít mật

Còn hơn anh rồ giọng hát vang ngân”

(*Giọng trầm*)

Cái giọng trầm rất cần thiết cho việc đi sâu làm giàu “bản - ngã - mật” của mình từ “khách - thể - hoa” của cuộc sống mới. Tầm cao của nhà thơ chính là từ một hiện thực mới, họ sáng tạo và khái quát được cái gì đầy đồng nghĩa với tiến bộ để thúc đẩy xã hội và thanh lọc tâm hồn con người. Giọng trầm trong hoàn cảnh đất nước hoà bình cũng cần như giọng cao trong chiến trận. Nó giúp nhà thơ đi sâu vào những vấn đề có tính triết học, nhân sinh để phát hiện ra những nghịch lý, những đối lập đang tồn tại trong con người và cuộc sống. Chế Lan Viên ý thức rất rõ điều này và luôn tư duy, phát hiện. Giá trị của thi pháp thơ Chế Lan Viên không chỉ ở những phủ định loại trừ

do hoàn cảnh không phù hợp nữa mà chủ yếu chính là ở những khẳng định mới và sáng tạo bổ sung.

Chuyển sang giọng trầm, ông liền bắt mạch hiện thực một cách tinh tế. Bài *Đề tài, Trong hồn, Từ thế chi ca, Thời gian nước xiết, Lộn trái, Hồi ký bên trang viết...* là quan niệm mới về những phạm trù: Sự sống, Cái chết, Lao động, Sáng tạo, Thời gian sống đời người, Thời gian vĩnh hằng... được tác giả chiêm nghiệm đến cạn kiệt bằng kinh nghiệm sống qua và dự cảm (expérience vécue et prévue) được thể hiện bằng thơ trong trạng thái bệnh tật, già yếu nên có pha chút tâm lý xa xót, tủi buồn, luyến tiếc. Đó là thái độ, lòng khao khát yêu đời “muốn mỗi bài thơ có ích cho nỗi đau người”.

Ước mơ của Chế Lan Viên là “Mỗi câu thơ hôm nay phải tiến hơn ngày qua một ít”, “Biết tạo ra những hình ảnh cao hơn của tập đoàn” “Mà cần thấm lặn cái chất máu, chất người ra mọi kẽ/ Thơ cần nhân thế”. Đó chính là tính có ích của thơ. Điều này không hề mâu thuẫn với trước đó mà là điều bổ sung để tạo nên diện mạo tinh thần đầy đủ nhất về cá nhân và cộng đồng. Cái phần tiềm thức, vô thức, ẩn tượng... đều có cơ sở từ cuộc đời và biến thành sự thăng hoa nghệ thuật.

Chế Lan Viên quan niệm: Thơ thời nào cũng thế, phải biết tạo ra chất lửa từ nỗi đau của chính mình và chung quanh, và phải tạo ra sức mạnh cực đại để đánh thức một tiềm lực nào đó đồng nghĩa với sự tái sinh và cảnh báo “Thi sĩ người làm ra lửa như Prométhée là kiểu ban đầu/ Kiểu về cuối là kiểu Morixon hay Thích Quảng Đức”... thì họ vẫn vì cuộc đời mà hi sinh mạng sống của mình: “Có vào nỗi đau mới có ích cho người”.

Những năm cuối đời, Chế Lan Viên ám ảnh mạnh về số phận của thơ. Chưa bao giờ trên hành trình “nhấn nha mà gáp gáp” đến lò thiêu, ông lại nghĩ nhiều như thế về thơ của một thời kỳ - thời kỳ chuyển giao hai thế kỷ! Ông nghĩ về truyền thống và cách tân, dân tộc và thời đại. Thơ phải có cả hai nhưng phải bám vào nguồn mạch văn hóa của dân tộc để nói nội dung thời sự - thời đại hiện tại. Ngay những vấn đề đã nói cũng cần nói lại sâu hơn, hay hơn.

Chế Lan Viên quan niệm về trọng trách của thơ ca rất sáng rõ. Dù ở đề tài nào thì nhà thơ vẫn bám vào thời đại mình đang sống. Không có cuộc đời lớn, không có nhân dân thì không có thơ: “Phải biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn”, “Nhân dân/ Người mẹ đẻ của muôn đời thi sĩ” vẫn là cảm hứng và cách chiếm lĩnh hiện thực của Chế Lan Viên: “Đòi cho anh nắm đất/ Anh làm nên cái bình/ Đòi cho anh nhành hoa/ Anh vẽ lên màu sù/ Đòi cho anh mùa yêu/ Anh làm cho cái bình đẹp như thiếu nữ/ Đòi cho anh là anh/ Anh lật chiếc bình lên/ Ký tên vào đó/ Trả cho đời” (*Đòi cho anh*).

Thơ sau 1975 của Chế Lan Viên đạt giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Đó là “Những lá thom hái lúc về già/ Hái những lá có hương tư tưởng” như ông từng tâm niệm. *Hoa trên đá* và *Di cảo thơ* tập I đạt giải thưởng văn học của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1985 và 1993 là minh chứng hùng hồn cho một tài năng thơ Chế Lan Viên, một “niềm kinh dị” mà Hoài Thanh đã nhận ra từ thuở “điều tàn”.

Biện chứng của hồn thơ Chế Lan Viên là ở chỗ: dù hiện đại, cách tân đến đâu, nhà thơ vẫn phải bám sâu vào nền tảng văn hóa

dân tộc mình. Đây không chỉ là yêu cầu về nội dung mà còn là yêu cầu về hình thức. Có như vậy, tâm hồn Việt Nam, tính cách Việt Nam mới gắn gũi, thiêng liêng: “Đảng dạy ta không thể đưa lòng đi theo Đảng/ Lại xa những gì dân tộc thương yêu”. Phải nhìn cuộc sống và sự vật ở vị thế và chiều kích của hiện tại. Những bài học quá khứ phải trở thành sức mạnh đồng hành: “Nhìn mây Mực Nam Quan/ Chẳng chút buồn quan ải/ Dù tả một làn mây/ Cũng là mây thời đại”. Đó là truyền thống, đồng thời cũng là hiện đại của thơ:

“Nghe cha ông và nghe con cái nữa
Truyền thống là giống Lý - Trần và giống
nhiều những thế hệ mai sau
Giống những năm tháng sẽ khai hoang,
những chân trời sẽ vỡ
Chớ chỉ tìm dân tộc phía đằng xa”.

(*Sổ tay thơ*)

Đến đây, ta đã thấy sức chống chọi với thời gian và sức năng động trong suy nghĩ của Chế Lan Viên để nghệ thuật đi gần về phía đích của sự viên thành, của trọng trách thi ca và đạo đức thi sĩ mà đến cuối đời, Chế Lan Viên vẫn không ngừng vươn lên thể hiện.

Thơ có ích là phẩm chất muôn đời của loại văn chương chân chính không chỉ riêng dân tộc nào. Chế Lan Viên là nhà thơ hiện đại, sống trong hoàn cảnh cả dân tộc đang chiến đấu chống kẻ thù, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc và tuân thủ nguyên tắc của nền văn học mới: “Thơ ca cách mạng lấy hiện thực cách mạng làm đối tượng phản ánh, lấy phục vụ cách mạng làm mục đích [...]. Đó là một nền thơ có tổ chức và chịu ảnh hưởng lớn của tư duy chính trị”¹.

Chế Lan Viên, với tư duy duy lý sắc sảo, ông phải đề xuất những quan niệm riêng của mình về tính “có ích”, tính chức năng của thơ.

Do sử dụng nhiều hình ảnh thực và tượng trưng kết hợp với kiểu tư duy triết lý đã làm cho thơ Chế Lan Viên vừa có tính cụ thể vừa có tính khái quát cao. Ông vận dụng những liên tưởng gần, liên tưởng xa, có khi sử dụng những đối lập mới bên cạnh những đối lập có sẵn để tạo ra tương đồng, tương phản mới, đem lại hiệu cảm nghệ thuật bất ngờ:

“ - Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!”
“- Màu trắng là màu mây của em
Trắng trời anh lại nhớ em thêm
Em đi muôn dặm thơ về chậm
Chỉ lấy màu mây trắng nhắn tin”.

Rõ ràng với kiểu tư duy này, thơ Chế Lan Viên mạnh về khái quát và phân tích, có khi kết hợp cả hai và được chứa đựng bởi ngôn ngữ riêng, cách diễn đạt riêng nhằm lôi cuốn người đọc, nâng họ lên tầm triết lý cùng nhà thơ.

Trước sau, Chế Lan Viên đều khai thác tối đa hướng này. Từ hiện thực trực quan, bằng xúc cảm chân thật, nhà thơ nhập hồn vào đối tượng và phải rút ra được một vấn đề gì đó cho cuộc sống. Vấn đề rút ra có khi cụ thể, có khi tượng trưng và được kết hợp trong bản thân nó chất dân tộc và thời đại, chất sống và chất trí tuệ mới mẻ. Trong *Ánh sáng và phù sa*, rồi *Hoa ngày thường - chim báo bão* và *Đôi thoi mới*, Chế Lan Viên đã thành công đáng kể ở phương diện này:

“Khi uống ngụm nước trong, lưỡi ta
không còn đắng chất thị thành

Đời tươi mát như ao sen mùa hạ
 Anh em bốn bên mà ta ở giữa
 Có được trái cây thơm, ta biết quý cả
 mùa lạnh”.

(Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi)

Để có được kiểu tư duy trên, Chế Lan Viên đã huy động sức liên tưởng dựa trên sự gần gũi nhau, giống nhau hoặc nhân quả nhau..., có khi là sự liên tưởng ngẫu hứng để tạo nghĩa mới. Những năm chiến tranh, Chế Lan Viên say sưa ngợi ca Tổ quốc, Nhân dân và bình luận cuộc sống bằng những phát hiện bất ngờ:

“Không ai có thể ngủ yên trong đời chật
 Buổi thủy triều vẫy gọi những vàng trắng
 Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt
 Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm
 Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt
 Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng”.

(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng)

Từ cách nhìn trực quan và sự dẫn thân, hòa mình vào đối tượng để rút ra bản chất sự vật ở chiều sâu đã làm cho chất thơ Chế Lan Viên ngày càng phong phú. Tương hợp giữa màu sắc, hình ảnh, âm thanh qua ẩn dụ, hoán dụ và các phương thức tu từ khác, cùng với việc kết hợp kiểu tư duy khoa học với tư duy nghệ thuật đã làm cho thi pháp thơ ông ngày càng điêu luyện, nâng hình tượng thơ lên tầm triết lý hấp dẫn. Thơ Chế Lan Viên chưa bao giờ chịu hạ cánh trước nhu cầu ngày càng cao, diện phản ánh ngày càng rộng của cuộc sống cách mạng. “Lời thơ là lời của chính cuộc sống thống nhất làm một. Cuộc sống được nhập, thốt lên thành thơ... và ngôn ngữ trở thành thi pháp

nhập cuộc”². Sự tương giao, hô ứng giữa khách thể và chủ thể đã làm cho ngôn ngữ hiện lên thành hình hài riêng để vừa tâm nhận thức và phù hợp tâm sự của chủ thể, và dĩ nhiên là phải có hình thức tương ứng của chúng. Hình thức này cũng không cố định mà luôn thay đổi. Ở Chế Lan Viên, thể tứ tuyệt và thơ tự do là phổ biến, kể đến là thể thơ 8 chữ không hạn chế về số câu, số khổ. Ở thể tứ tuyệt, Chế Lan Viên thường dùng để nói những vấn đề có tính khái quát nên súc tích, kết nén; còn thơ tự do thì trải rộng để phân tích, bình luận. Đây là 2 thể loại thành công của ông, thể hiện chất thơ của một hồn thơ nhạy cảm, sắc bén trước những vấn đề thời sự - thời đại nóng bỏng: chiến tranh - hòa bình, địch - ta, chính nghĩa - phi nghĩa, tình yêu - cuộc sống...

Nhịp điệu thơ Chế Lan Viên thể hiện từng cung bậc trầm - bổng, nhanh - chậm, vui - buồn của tâm hồn con người được chi phối bởi dòng sự kiện và không gian, thời gian cụ thể để thành nhịp điệu bên trong và bên ngoài, hài hoà giữa chủ thể thẩm mỹ và khách thể thẩm mỹ.

Cần chú ý thể thơ chính luận của Chế Lan Viên. Đó là khi trong ông cần có nhu cầu đối thoại và triết luận về cuộc sống bằng ngôn ngữ. Dung lượng hiện thực ồ ạt vào thơ nhưng cũng không làm suy giảm chất cảm xúc của ông (ngoại trừ những bài ông triết lý khô khan và lên giọng cầu kỳ). Thực ra, Chế Lan Viên có cách riêng trong việc hoán cải và thể hiện hình tượng, ngôn từ, vần - nhịp. Cho nên thơ chính luận, thơ văn xuôi của ông cũng nhịp nhàng, uyển chuyển. Ông cố gắng luân phiên bằng - trắc, có những câu thắt gút và gieo vần ở cuối

câu theo luật gián cách hoặc liên tiếp nên đọc lên vẫn thuận tai và có kỹ thuật:

“Xanh biếc màu xanh, bể như hàng nghìn mùa thu đi qua còn để tâm hồn nằm đọng lại

Sóng như hàng nghìn trư xanh trời đã tan xanh ra thành bể và thôi không trở lại làm trời

Nếu núi là con trai, thì bể là phần yếu điệu nhất của quê hương đã biến thành con gái

Mỗi đêm hè, da thịt sóng sinh sôi”.

Hình thức mang tính quan niệm mà thi pháp học hiện đại quan tâm không phải ai cũng giống ai. Thế mạnh của từng nhà thơ là thông qua từng thể loại và tài sử dụng ngôn ngữ mà hình thành. Ta thấy Nguyễn Bính, Tố Hữu thành công ở thể lục bát, Xuân Quỳnh ở thể thơ 8 chữ. Trái lại, Chế Lan Viên lại nổi bật ở thể tứ tuyệt và thơ tự do, thơ văn xuôi... Chính ngôn ngữ nghệ thuật là phương tiện để xây dựng lâu đài thơ từng người. Nội dung thời đại tác động vào tâm hồn nhà thơ và bộc lộ ra thành tư tưởng, tình cảm, ước mơ thông qua ngôn ngữ riêng đặc sắc, tạo thành hình tượng nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ cao sẽ làm nên chất thơ của nhà thơ, của thời đại. Chất thơ của hồn thơ Chế Lan Viên chính là sự kết tinh những giá trị tinh thần lớn lao và bền vững của Đất nước và Nhân dân trong những năm tháng chiến tranh bi thương, gian khổ nhưng vinh quang và trong hoà bình với bao bộn bề, tái sinh kỳ diệu.

Phong cách trữ tình triết lý Chế Lan Viên mang dấu ấn của một cá tính sáng tạo mạnh mẽ. Thế giới nghệ thuật thơ ông đa dạng, biến ảo về hình thức; hiện đại hóa về ngôn

ngữ, vần nhịp, thể thơ; tăng cường nhiều kiểu, nhiều chiều các phương thức tu từ; hòa quyện giữa lý trí và cảm xúc trong từng hình tượng; bất ngờ trong cấu tứ; tính bền vững và bổ sung; tính thời sự và thời đại đan xen nhau tạo thành những giá trị và sức mạnh tinh thần đặc biệt, tiêu biểu cho quan niệm thơ, chất thơ, hồn thơ Chế Lan Viên. Toàn bộ sự nghiệp thơ Chế Lan Viên trở thành “thi ca chi bảo” của nền thơ hiện đại Việt Nam. Đó là những bức thông điệp đầy sức ám ảnh về vũ trụ - nhân sinh - thi ca, giúp cho những người đồng thời và cả “những con người tạo ra tương lai” (Nguyễn Đình Thi) nghĩ về ông và dự cảm sức sống của thơ ông; nghĩ về những gì mà con người văn hóa, con người thi sĩ Chế Lan Viên tham dự vào với ý nghĩa và tư cách đó là những giá trị lớn mà mọi người muốn biết, cần được biết để càng yêu quý, trân trọng một nhà thơ tài danh của dân tộc ■

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Thế Hà (2013), *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên*, NXB Văn học.
2. Nhiều tác giả (1995), *Chế Lan Viên - Người làm vườn vĩnh cửu*, NXB Hội nhà văn.

Chú thích:

¹ Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và Tư duy thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Văn học, tr. 48.

² Trần Đình Sử (1987), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, NXB Tác phẩm mới, tr. 234.